

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI UYÊN TRUNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI UYÊN TRUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400821357

**3. Ngày thành lập:** 28/08/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Mai Hạ, Xã Mai Đình, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0984746984

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4210        |
| 2.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220        |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663        |
| 4.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7110        |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312        |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4931        |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4290        |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4662        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 15. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít<br>Chi tiết: Sản xuất sơn, véc ni, men, sơn mài; chất nhuộm và chất nhuộm chế sẵn, thuốc màu, men tráng trên các sản phẩm thủy tinh và men sành, men đánh bóng và các chất tương tự; sơn ma tít, hợp chất dùng để bít, chít, hàn và các chất tương tự dùng để hàn các vật không chịu nhiệt và các chất pha chế trang trí mặt ngoài; sản xuất hợp chất dung môi hữu cơ dùng để pha chế sơn, véc ni, dung môi tẩy rửa | 2022(Chính) |
| 16. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Sơn véc ni và sơn bóng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4752        |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đèn và bộ đèn điện, thiết bị, đồ dùng sinh hoạt gia đình như quạt điện, nồi cơm điện, ấm đun nước, lò vi sóng, tủ lạnh, điều hòa, bàn là, máy sấy tóc.                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649        |
| 18. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4759        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu, máy móc thiết bị dùng dùng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.                                                                                                                                                | 4659        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                 | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ TUẤN KIÊN       | Thôn Mai Hạ, Xã Mai Đình, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 3.000.000.000         | 50,000    | 121601299                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 3.000.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ TUẤN CẢNH       | Thôn Mai Hạ, Xã Mai Đình, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                                   | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 1.500.000.000         | 25,000    | 120465029                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                      | Tổng số           | 15.000     | 1.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG THỊ THU THỦY | Khu tập thể Bệnh viện Quân y 110, Khu 5, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 15.000     | 1.500.000.000         | 25,000    | 125878347                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                                      | Tổng số           | 15.000     | 1.500.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LÊ TUẤN KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/06/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 121601299

Ngày cấp: 12/09/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Mai Hạ, Xã Mai Đình, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Mai Hạ, Xã Mai Đình, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang